TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST
Ngày: 08-7-2022
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Minh.
2. Bà Đặng Thị Thu Vui.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Khúc – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2022/TLST-KDTM ngày 10 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán hàng hóa*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Quang Th, sinh năm: 1968; Địa chỉ: Khu phố R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của ông Th: Ông Trần Quang T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Long An. Là người đại diện đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 4 năm 2022.

2. Bị đơn:

- Ông Lê Vĩnh T, sinh năm: 1979;
- Bà Lê Thị L, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

(Ông T có mặt; ông T, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn ông Trần Quang T trình bày:

Năm 2012, ông Trần Quang Th và ông Lê Vĩnh T, bà Lê Thị L thỏa thuận mua bán vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) với nhau, ông Th bán nợ cho ông T, bà L đến cuối vụ lúa mới thanh toán tiền, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng. Ông T và bà L mua vật tư nông nghiệp của ông Th về bán lại cho các hộ dân để kiếm lợi nhuận, tính đến ngày 09/9/2021 thì ông T, bà L còn nợ ông Th số tiền 1.700.000.000 đồng. Đến nay ông T, bà L vẫn chưa trả số nợ trên cho ông Th.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà L phải liên đới trả cho ông Th số tiền 1.700.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 09/09/2021 đến

ngày xét xử sơ thẩm là 09 tháng 29 ngày (1.700.000.000 đồng x 1%/tháng x 09 tháng 29 ngày = 169.433.000 đồng đã làm tròn) thành tiền là 169.433.000 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi ông T, bà L phải liên đới trả cho ông Th là 1.869.433.000 đồng. Tiếp tục yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Lê Vĩnh T trình bày:

Năm 2012, ông có thỏa thuận mua bán vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) với ông Trần Quang Th về bán lại cho bà con nông dân sản xuất lúa để kiếm lợi nhuận, ông Th bán nợ cho ông đến cuối mùa thu hoạch, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng. Trong quá trình mua bán, ông không có tranh chấp về chủng loại và chất lượng hàng hóa, tính đến ngày 09/9/2021 ông còn nợ ông Th số tiền 1.700.000.000 đồng. Việc ông thỏa thuận mua bán với ông Th thì vợ ông là bà Lê Thị L có biết, bà L có ký vào sổ theo dõi công nợ với ông Th.

Nay ông Th khởi kiện yêu cầu ông phải liên đới trả với bà L phải trả nợ thì ông không đồng ý vì việc mua bán này chỉ có ông với ông Th, bà L không liên quan. Ông đồng ý trả cho ông Th số tiền 1.700.000.000 đồng và lãi suất lãi suất thỏa thuận 1%/tháng tính từ ngày 09/9/2021.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Ông Trần Quang Th khởi kiện ông Lê Vĩnh T, bà Lê Thị L về việc tranh chấp "Hợp đồng mua bán hàng hóa", do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Ông Trần Quang Th yêu cầu ông Lê Vĩnh T, bà Lê Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền nợ mua bán 1.700.000.000 đồng và trả tiền lãi chậm trả với lãi suất 1% của phần tiền nợ cũ tính đến ngày 09/9/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ án là có cơ sở chấp nhận vì: Căn cứ vào giấy xác nhận nợ ngày 9/9/2021 và sự thừa nhận của ông T có nợ ông Th số tiền là 1.700.000.000 đồng và lãi suất chậm 1%/tháng tính từ ngày 09/9/2021. Đồng thời, trong sổ mua hàng ông Th cung cấp có nội dung mua bán chi tiết giữa ông T với ông Th, vào các ngày 12/11/2013, 14/12/2013 và ngày 03/3/2014 có chữ ký của bà L vợ ông T. Ông T cũng thừa nhận chữ ký đó là của bà L trong quá trình mua bán đối chiếu công nợ với ông Th. Mặt khác, giao dịch mua bán hàng hoá của ông T, bà L với ông Th được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân, bà L có ký đối chiếu công nợ nên bà L có trách nhiệm liên đới với ông T trả tiền theo yêu cầu của ông Th là phù hợp với quy định tại Điều 25, 27 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu của ông Th là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 357, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 25 và 27 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 306 Luật thương mại 2005.

Ông T không đồng ý liên đới với bà L trả số tiền 1.700.000.000 đồng vì việc mua bán này chỉ có ông với ông Th bà L không liên quan là không có cơ sở chấp nhận vì: Giao dịch mua bán hàng hoá của ông T, bà L với ông Th được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân, bà L có ký đối chiếu công nợ trong sổ mua bán của ông Th, ông T cũng thừa nhận chữ ký trong sổ là của bà L là vợ ông nên bà L có trách nhiệm liên đới với ông T trả tiền theo yêu cầu của ông Th. Vì vậy, yêu cầu của ông T là không có cở sở xem xét chấp nhận theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại các Điều 30, 35, 39, 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông T, bà L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông T, bà L nhưng ông T và bà L vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T, bà L theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Ông T yêu cầu ông Lê Vĩnh T và bà Lê Thị L phải liên đới trả cho ông Th tổng số tiền 1.869.433.000 đồng (nợ gốc 1.700.000.000 đồng + 169.433.000 đồng tiền lãi suất = 1.869.433.000 đồng).

Ông T thừa nhận nợ ông Th số tiền 1.700.000.000 đồng, ông T đồng ý trả số tiền gốc 1.700.000.000 đồng và lãi suất cho ông Th. Ông T không đồng ý liên đới với bà L trả nợ cho ông Th.

[3]. Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1]. Việc mua bán giữa ông Th với ông T, bà L là phù hợp theo quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại. Ông T thừa nhận nợ và đồng ý trả cho ông Th số tiền gốc 1.700.000.000 đồng và lãi suất 1% tháng tính từ ngày 09/9/2021 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2]. Theo quy định tại Điều 17 và Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình; Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25 và 26 của luật này". Theo biên bản xác minh thì ông T, bà L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, hiện nay ông T và bà L vẫn còn quan hệ là vợ chồng.

Ông T là người trực tiếp thỏa thuận mua bán với ông Th và ký giấy xác nhận nợ. Ông T thừa nhận bà L biết được việc mua bán và bà L ký tên vào sổ theo dõi mua bán và công nợ với ông Th. Đồng thời, bà L đã được Tòa án tiến hành thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà L biết nhưng bà L không phản đối với chứng cứ do ông Th cung cấp. Do đó, bà L phải có nghĩa vụ liên đới với ông T trả tiền cho ông Th là có căn cứ.

Nay ông T yêu cầu ông T, bà L phải liên đới trả cho ông Th tổng số tiền 1.869.433.000 đồng là có căn cứ theo Điều 50 của Luật Thương mại.

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 50 của Luật Thương mại thì *"*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận; Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật*"*.

[3.3]. Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[3.4]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu của ông Trần Quang Th được chấp nhận nên ông T và bà L phải liên đới chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông Th.

Ông Th không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho ông Th.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 40, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các Điều 24, 50, 306 Luật Thương mại.

Căn cứ các Điều 17, 25, 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang Th đối với ông Lê Vĩnh T, bà Lê Thị L về việc tranh chấp "Hợp đồng mua bán hàng hóa".

Ông Lê Vĩnh T và bà Lê Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Quang Th tổng số tiền 1.869.433.000 đồng (nợ gốc 1.700.000.000 đồng + 169.433.000 đồng tiền lãi suất = 1.869.433.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Lê Vĩnh T và bà Lê Thị L phải liên đới chịu 68.082.000 đồng (đã làm tròn) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ông Trần Quang Th không phải chịu tiền án phí kinh doanh thuong mại sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Th 32.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003154 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện/tỉnh;*
- *Chi cục THA DS;*
- *Các Đ/s;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Chí Dũng